

Số: 132.....-2020/CV-PAN

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Quyết định phê duyệt Chiến lược
phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Sau 15 năm thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020, Việt Nam trở thành một trong số ít các quốc gia Châu Á đang ở mức tịnh tiến diện tích rừng, từ tỷ lệ 38% năm 2006 lên 41.89% năm 2019, ước tính đạt 42% năm 2020; tốc độ tăng giá trị sản xuất là 3.5-4% đến năm 2020; thúc đẩy sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế và tổ chức xã hội, cá nhân vào quản lý, bảo vệ và phát triển Lâm nghiệp, đóng góp ngày càng tăng vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và cung cấp các dịch vụ môi trường, góp phần xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của người dân nông thôn miền núi và giữ vững an ninh quốc phòng. Để đảm bảo tiếp tục duy trì được tốc độ phát triển, khắc phục những vấn đề còn tồn tại cũng như hướng tới sự phát triển bền vững của ngành lâm nghiệp trong tương lai, định hướng chiến lược phát triển chính sách của ngành đặc biệt quan trọng. Căn cứ vào bối cảnh thể chế chính trị, nguồn tài nguyên và con người, cùng trình độ khoa học kỹ thuật, quan điểm và tầm nhìn về vai trò của ngành lâm nghiệp cùng những thay đổi bối cảnh kinh tế - xã hội trong và ngoài nước giai đoạn mới, Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn đã chủ trì xây dựng Dự thảo Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đáp ứng yêu cầu của Tổng cục Lâm nghiệp tại Công văn số 6884/BNN-TCLN ngày 02 tháng 10 năm 2016 về việc góp ý cho dự thảo Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) xin gửi đến Ban soạn thảo Tổng cục Lâm nghiệp bản góp ý chi tiết cho dự thảo Chiến lược được gửi kèm theo công văn này.

Trân trọng cảm ơn Quý cơ quan.

TRUNG TÂM CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

Nơi nhận:

- Như Kg;
- Vụ Kế hoạch – Tài chính;
- Vụ Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Trình Lê Nguyễn

GÓP Ý DỰ THẢO CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN 2050

(Tài liệu đính kèm Công văn số: 132/2020/CV-PAN ngày 28 tháng 10 năm 2020)

I. Tiếp cận chung: Quan điểm, định hướng phát triển

Dự thảo nhấn mạnh quan điểm chung về tầm quan trọng của rừng cũng như định hướng phát triển ngành lâm nghiệp trở thành của một ngành kinh tế - kỹ thuật đặc thù, theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; đẩy mạnh xã hội hoá và tổ chức liên kết sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị lâm sản là phù hợp. Tuy nhiên cách tiếp cận và phát triển các định hướng phát triển cụ thể vẫn mang đậm đặc thù truyền thống, đơn ngành mà chưa cập nhật các cách tiếp cận, xu hướng mới hiện nay và trong tương lai. Do đó, chúng tôi kiến nghị:

1. Quan điểm “rừng vừa là tài nguyên, vừa là tư liệu sản xuất” cần được cụ thể hóa thành hai mục tiêu chính của ngành lâm nghiệp: mục tiêu bảo tồn thiên nhiên và mục tiêu phát triển kinh tế lâm nghiệp. Theo đó, với mỗi mục tiêu sẽ có các chiến lược, hành động phù hợp. Mục tiêu bảo tồn thiên nhiên dành cho đối tượng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Còn mục tiêu phát triển kinh tế lâm nghiệp dành cho đối tượng rừng sản xuất.
2. Cần xem xét và áp dụng cách tiếp cận toàn diện hơn, xuất phát từ hiện trạng thực của ngành lâm nghiệp và áp dụng các phương pháp khoa học công nghệ để có nguồn cơ sở dữ liệu đáng tin cậy, trước khi xác định các phương hướng, mục tiêu cụ thể và giải pháp chiến lược cho ngành. Xem xét và áp dụng cách *tiếp cận cảnh quan*, đa ngành và liên kết xuyên suốt các cấp (địa phương, tỉnh, vùng sinh thái, quốc gia và quốc tế).
3. Việc phát triển bền vững lâm nghiệp không thể tách rời khỏi bối cảnh quốc gia, quốc tế và các xu hướng phát triển trong giai đoạn mới. Do đó, các nội dung: (i) phân tích, đánh giá bối cảnh và dự báo phát triển, như xu hướng phát triển kinh tế - xã hội và xu hướng quản trị lâm nghiệp, thị trường và sử dụng lâm sản thế giới; (ii) Tính đa dạng và đặc thù của từng địa phương, nhất là các yếu tố lịch sử, đặc điểm các nhóm dân cư, dân tộc thiểu số và tập quán sử dụng tài nguyên rừng cũng cần được lồng ghép khi định hình quan điểm, định hướng phát triển của ngành trong báo cáo thuyết minh và phục lục của Quyết định phê duyệt Chiến lược.
4. Với những tác động nghiêm trọng của thiên tai trong thời gian gần đây, cần thiết phải nhấn mạnh vai trò quyết định trong chống lũ lụt, xói mòn, hạn hán, điều hòa khí hậu của rừng tự nhiên. Theo đó, cần ưu tiên, tăng cường đầu tư cho rừng đặc dụng và rừng phòng hộ nhằm duy trì và nâng cao các giá trị sinh thái môi trường.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Đề nghị bổ sung và làm rõ các nguyên tắc phát triển lâm nghiệp bền vững trong mục tiêu tổng quát để phù hợp với thông lệ quốc tế trong bối cảnh ngành lâm nghiệp hội nhập ngày càng sâu rộng, đảm bảo tính hệ thống và nhất quán với tầm nhìn từ quốc tế, quốc gia và địa phương; làm cơ sở để xây dựng, thiết kế các mục tiêu, phương hướng, giải pháp trong dự thảo Chiến lược. Các nguyên tắc này cũng cần hướng đến việc phát triển ngành Lâm nghiệp Việt Nam mang tầm nhìn dài hạn, quản trị hiệu quả và bền vững, giữ vững các cam kết mạnh mẽ của Nhà nước, đồng thời thúc đẩy sự tham gia tích cực và có hiệu quả của các thành phần kinh tế và lực lượng xã hội trong quản lý, bảo vệ rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp. Dưới đây là một số nguyên tắc đề xuất xem xét và bổ sung:

- Định vị vai trò của ngành lâm nghiệp trong chiến lược phát triển kinh tế xanh quốc gia cũng như gắn các mục tiêu của ngành lâm nghiệp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và 17 mục tiêu Phát triển Bền vững.
- Quản lý và sử dụng rừng bền vững, cân bằng mục tiêu bảo vệ, đảm bảo an ninh môi trường và phát triển kinh tế, gìn giữ tri thức và văn hoá truyền thống địa phương gắn liền với rừng/tài nguyên rừng là kim chỉ nam xuyên suốt tất cả các hoạt động của ngành.
- Nhấn mạnh vai trò quản lý, định hướng trung tâm của Nhà nước, nhưng cũng đồng thời thúc đẩy sự tham gia của các bên, đặc biệt là sự tham gia đầu tư của khối tư nhân và trao quyền cho người dân địa phương trong lộ trình phát triển ngành lâm nghiệp.
- Các chủ rừng, bao gồm cả các chủ rừng nhà nước và hộ gia đình, cộng đồng - cần được xác định là lực lượng sản xuất chủ đạo và cũng là kết quả cuối của chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia trong giai đoạn tới.
- Đối với hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ: Nhà nước cần tập trung đầu tư nguồn lực và tài chính cho việc quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có; đồng thời tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng, mở rộng và phát triển các giá trị dịch vụ hệ sinh thái phi gỗ của rừng. Đặc biệt mục tiêu tăng cường bảo tồn và phát huy giá trị đa dạng sinh học, duy trì các giá trị văn hoá tín ngưỡng liên quan trong sinh cảnh rừng không thể tách rời khỏi các nhiệm vụ tăng độ che phủ rừng và các hoạt động bảo vệ rừng.
- Đối với rừng sản xuất: Đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường, kêu gọi đầu tư tư nhân, xây dựng các cơ chế khuyến khích để phát triển ngành kinh tế lâm nghiệp trên diện tích đất rừng sản xuất đã được quy hoạch. Tuy nhiên, phát triển kinh tế lâm nghiệp không thể tách rời khỏi các quy định hệ thống và nhất quán về quyền sở hữu tài sản công và các hình thức quản lý, sở hữu và hưởng lợi từ rừng phù hợp với Luật Dân sự 2015 cũng như thực tiễn quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ở Việt Nam hiện nay.

2. Mục tiêu cụ thể

Đối với Mục tiêu Môi trường

Sau gần 3 thập kỷ đổi mới, Việt Nam là một trong ít nước Châu Á đang ở mức tịnh tiến diện tích rừng và hiện đang ở phía cuối đường cong diễn biến rừng. Chính vì vậy, trong giai đoạn 10 năm tới, mục tiêu tăng độ che phủ rừng không phải là mục tiêu chiến lược, mà là nâng cao chất lượng rừng. Nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng, diện tích tăng lên chủ yếu nhờ rừng trồng và tái sinh tự nhiên trong khi các diện tích rừng tự nhiên chất lượng tốt vẫn tiếp tục suy giảm do áp lực chuyển đổi, khai thác cả hợp pháp và bất hợp pháp. Hơn thế nữa, rừng không chỉ là cây và gỗ; kinh tế lâm nghiệp cũng không chỉ là rừng trồng, mà còn là khả năng cung cấp “hàng hoá” dịch vụ hệ sinh thái rừng. Do đó, đối với các mục tiêu cụ thể về Môi trường trong giai đoạn mới, ngoài độ che phủ rừng (duy trì 42% vào năm 2025 và ổn định ở mức 43% vào năm 2030), các mục tiêu liên quan đến chất lượng rừng, duy trì đa dạng sinh học rừng và nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ môi trường rừng cần được xem xét bổ sung thêm. Cụ thể:

(i) Mở rộng, duy trì cảnh quan rừng tự nhiên đa dạng, có chất lượng ở mức tối thiểu xxx ha, cân bằng giữa bảo vệ (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên) và kinh tế, sử dụng (rừng trồng).

(ii) Phục hồi, tái sinh tự nhiên, làm giàu ít nhất xxx% diện tích rừng tự nhiên nhằm tăng giá trị, khả năng cung ứng DVMTR, đóng góp giảm phát thải khí nhà kính, tăng trữ lượng Carbon rừng và thích ứng BĐKH. Đặc biệt, đối với rừng phòng hộ xung yếu đang bị suy thoái theo hướng đa mục đích, trong đó ưu tiên khả năng cung ứng DVMTR.

(iii) Thực hiện đóng cửa rừng nghiêm ngặt, không chuyển đổi dưới bất kỳ hình thức nào đối với các diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên.

(iv) Ít nhất xxx% các xã nông thôn mới tham gia cải tạo cảnh quan môi trường, xanh hoá bằng cây bản địa hoặc cây lâm nghiệp, phát triển các mô hình nông-lâm kết hợp, nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu, v...v phù hợp.

Đề nghị xem xét sửa đổi hoặc bỏ mục tiêu về diện tích cây xanh đô thị (đến năm 2025, bình quân 5m²/người và đến 2030 là 10m²/người). Mục tiêu này không phù hợp với ngành lâm nghiệp và không thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Bên cạnh đó là những thách thức liên quan đến việc bố trí đất công để trồng cây, đặc biệt tại các đô thị lớn. Có thể thay thế mục tiêu về diện tích bằng các mục tiêu thử nghiệm và thúc đẩy giáo dục, sự tham gia của người dân vào các Sáng kiến Tái tạo cảnh quan và bảo tồn đa dạng sinh học đô thị (Urban Biodiversity Conservation Initiatives).

Cần có mục tiêu cụ thể cho bảo tồn đa dạng sinh học trong hệ sinh thái rừng, ví dụ số loài được bảo vệ khỏi tuyệt chủng hoặc những loài bị đe dọa, những sinh cảnh điển hình đều được bảo vệ tốt trong các khu bảo tồn.

Đối với Mục tiêu Xã hội

Mục tiêu xã hội trong Dự thảo Chiến lược hiện nay đang được xây dựng theo hướng phát triển lực lượng lao động, cơ hội việc làm và ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, cần xem xét sửa đổi:

<p>Tỷ lệ lao động làm việc trong lâm nghiệp được đào tạo: 40% vào năm 2025; 45% vào năm 2030</p>	<p>Cần làm rõ lao động trong lâm nghiệp là gì? Họ là ai (là các cán bộ trong các chủ rừng nhà nước hay cả khối tư nhân và người dân địa phương)? Bao gồm cả lao động chính thức (có hợp đồng, bảo hiểm) và lao động phi chính thức? Các hình thức đào tạo là gì? Chính quy, hay cả các hình thức tập huấn, nâng cao năng lực.</p> <p>Mục tiêu này phù hợp với khía cạnh kinh tế hơn xã hội</p>
<p>Đến 2025 có 50% và đến 2030 có 80% số hộ miền núi, người dân tộc thiểu số sống ở vùng có rừng tham gia sản xuất kinh doanh lâm nghiệp hàng hoá hoặc các dịch vụ</p>	<p>Căn cứ của các tỷ lệ trong mục tiêu này cần được làm rõ, nhất là mối tương quan với bối cảnh cụ thể của các địa phương và sự phát triển của các hình thức sử dụng đất và sản xuất kinh tế khác.</p> <p>Mục tiêu này phù hợp với mục tiêu kinh tế hơn là xã hội</p>
<p>Giai đoạn 2021-2025 sắp xếp, bố trí ổn định cho 60% số hộ dân đang cư trú trong rừng đặc dụng và đến 2030 là 100%</p>	<p>Mục tiêu này cần chỉnh sửa thành “số hộ dân đang cư trú trong vùng đệm của rừng đặc dụng” vì hiện nay đã có quy định về vùng đệm trong và vùng đệm ngoài nên không còn tình trạng người dân cư trú trong rừng đặc dụng.</p>
<p>Đến năm 2025, thu nhập bình quân của người DTTS tăng lên 2 lần so với năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bằng DTTS mỗi năm giảm trên 3%; đến năm 2030 thu nhập bình quân của người DTTS bằng ½ bình quân chung cả nước</p>	<p>Căn cứ của mục tiêu này cần được làm rõ trong báo cáo thuyết minh, nhất là mối tương quan với bối cảnh của các địa phương và mô hình phát triển kinh tế, xu hướng thị trường và sử dụng hàng hoá lâm sản. Mục tiêu tăng gấp 2 lần thu nhập bình quân của người DTTS là quá cao, do đó khó khả thi trong giai đoạn ngắn 5 năm và 10 năm tới.</p>

Mục tiêu Xã hội của Chiến lược Lâm nghiệp ngoài việc đem lại các lợi ích về cơ hội và việc làm, cần xem xét cả những mục tiêu ngăn ngừa - giảm thiểu tác hại, thay đổi không đáng có đối với cuộc sống của người dân vùng rừng trong quá trình phát triển. Cần xem xét và bổ sung thêm:

- Các mục tiêu liên quan đến công bằng xã hội (đặc biệt đối với các nhóm yếu thế và đồng bào dân tộc thiểu số), lồng ghép các yếu tố về giới và nhu cầu duy trì và bảo tồn các giá trị văn hoá tín ngưỡng liên quan đến rừng.

- Đối với từng nhóm lao động trong ngành lâm nghiệp, lao động chính thức và phi chính thức, cần có mục tiêu nâng cao chất lượng lao động lâm nghiệp, phù hợp với các tiêu chuẩn trong các hiệp định tự do thương mại thế hệ mới (như EU-VFTA, VPA/FLEGT...) hay các chính sách đảm bảo an toàn xã hội theo các công ước quốc tế mà Việt Nam là tổ chức thành viên (Công ước Khung của LHQ về Biến đổi khí hậu, Tuyên ngôn về quyền của các dân tộc bản địa...)
- Cần đảm bảo cho đồng bào DTTS, cộng đồng dân cư địa phương sống gần và phụ thuộc vào rừng được giao rừng gắn liền với giao đất để sản xuất nông, lâm ngư nghiệp kết hợp; được hợp tác, liên kết bảo vệ và phát triển rừng cùng các chủ rừng là tổ chức nhà nước; được thực hành văn hoá, tín ngưỡng gắn liền với rừng theo quy định của Chính phủ.
- Rà soát và hoàn thiện khung chính sách liên quan đến thể thức quản trị lâm nghiệp cộng đồng và thừa nhận hình thức Khu bảo tồn cộng đồng (ICCA - Indigenous and community conserved area) (theo quy định của Luật lâm nghiệp 2017); hoàn thiện cơ chế, thể chế quản lý giúp phát huy vai trò và giá của các loại hình rừng này trong công tác phát triển rừng, bảo vệ tài nguyên đa dạng sinh học và gìn giữ các giá trị văn hoá truyền thống tốt của đồng bào dân tộc thiểu số. Do đó, tiếp tục thử nghiệm và xây dựng các mô hình quản lý rừng cộng đồng, khu bảo tồn cộng đồng, quản lý phối hợp thích ứng, doanh nghiệp cộng đồng nhằm phát huy nội lực, kiến thức địa phương trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển lâm nghiệp theo định hướng thị trường (có thể lồng ghép vào các mục tiêu kinh tế)
- Đảm bảo 100% các diện tích rừng tự nhiên hiện chưa có chủ quản lý (hoặc tạm giao cho UBND xã quản lý) hoặc rừng tự nhiên phân tán, nhỏ lẻ, có giá trị phòng hộ hoặc đa dạng sinh học để giao cho chủ thể phù hợp quản lý tại địa phương, ví dụ: cộng đồng dân cư hoặc tổ nhóm cộng đồng có khả năng cung cấp dịch vụ công về quản lý bảo vệ rừng.

Đối với mục tiêu Kinh tế

Đề nghị bổ sung các mục tiêu:

- Duy trì và phát triển khả năng cung ứng DVMTR, đa dạng hoá các nguồn và cơ chế chi trả DVMTR phù hợp với nguyên tắc thị trường, đảm bảo sự tham gia tích cực của tất cả các bên liên quan trong chi trả DVMTR. Xác định thời điểm cụ thể có thể thể chế hoá, lượng giá chính xác và đảm bảo nguồn thu DVMTR qua hấp thụ carbon, sử dụng nước công nghiệp và các loại hình dịch vụ khác trên phạm vi toàn quốc.
- Xem xét và rà soát quy hoạch tỉ lệ rừng trồng rải rác, quy mô nhỏ của các hộ gia đình thành vùng nguyên liệu chính thức, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đảm bảo các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường về chất lượng, nguồn gốc hợp pháp của gỗ cũng như các quy định nghiêm ngặt về đảm bảo an toàn môi trường - xã hội.
- Tỉ lệ diện tích rừng trồng gỗ nhỏ quy mô nhỏ được thử nghiệm, đầu tư và chuyển đổi phát triển rừng trồng gỗ lớn.
- Xác định thời điểm cụ thể có thể bắt đầu cho phép khai thác rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo hướng bền vững, đặc biệt đối với các diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng địa phương.



III. Các điểm đột phá của chiến lược

Dự thảo Chiến lược đã nêu rõ 3 điểm đột phá trong 10 năm tới của ngành lâm nghiệp, trong đó đáng chú ý là điểm 2 - *đảm bảo chức năng bảo tồn và phòng hộ của rừng đối với sự phát triển bền vững của quốc gia*. Điểm này đã được cụ thể bằng hai phương án:

- *Phương án 1: Bằng tăng cường năng lực quản lý và nâng cao chất lượng rừng; nâng cao chất lượng và nghiêm cấm/hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên. Nhà nước đảm bảo đầu tư cho rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, ưu tiên các khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển.*
- *Phương án 2: Bằng tăng cường năng lực quản lý và sau năm 2030 tiến hành rà soát, sát nhập hệ thống RĐD và RPH thành 1 hệ thống Rừng Bảo vệ, nâng cao chất lượng và nghiêm cấm/hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng RBV là RTN.*

Về cơ bản, đây là phương hướng phù hợp với thông lệ quốc tế trong bối cảnh ngành lâm nghiệp hội nhập ngày càng sâu rộng. Thông qua việc sáp nhập và phân chia lại hệ thống rừng, dự thảo Chiến lược cũng đã thể hiện được mục tiêu rõ ràng hơn của ngành lâm nghiệp với tầm nhìn dài hạn, cân bằng giữa hai mục tiêu bảo vệ, đảm bảo an ninh môi trường và mục tiêu kinh tế, phù hợp với đặc điểm ngành kinh tế - kỹ thuật đặc thù của lâm nghiệp cũng như xu hướng phát triển của quốc gia. Tuy nhiên, đây cũng là sự thay đổi rất lớn với toàn bộ hệ thống quản trị lâm nghiệp. Trong toàn bộ dự thảo Chiến lược, dù đã được nêu, nhưng các phương hướng, mục tiêu hay lộ trình, giải pháp để đạt được các điểm đột phá này lại chưa được phản ánh cụ thể. Đề nghị tổ soạn thảo xem xét và cấu trúc lại phần Phương hướng, Nhiệm vụ, Giải pháp Chủ yếu (IV) theo hướng này.

Một số góp ý cụ thể thêm về giải pháp và lộ trình đạt được mục tiêu này:

- Để đảm bảo ổn định lâm phần quốc gia, cần các định hướng, giải pháp cụ thể, chặt chẽ hơn đối với chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, nhất là rừng tự nhiên. Ví dụ: Tăng cường trách nhiệm, thẩm quyền và đầu tư cho các chủ rừng tổ chức (Ban quản lý rừng) để họ có thể chủ động trong việc thực hiện hiệu quả các kế hoạch lâm nghiệp nhà nước giao phó. Đồng thời, để giảm thiểu rủi ro từ phân cấp nhà nước, cần hoàn thiện thể chế để tăng cường trách nhiệm và chế tài quản lý nhà nước của Bộ NN-PTNT trong thẩm quyền thẩm định, quyết định, giám sát các đề xuất, hoạt động liên quan đến giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tại các địa phương.
- Về phân loại rừng: (i) Đề nghị tách các loại rừng trồng hiện đang nằm trong phân loại rừng đặc dụng (tức là các vườn giống, rừng nghiên cứu thực nghiệm, vườn thực vật, di tích lịch sử văn hóa) ra khỏi phân hạng này và các chính sách quản lý riêng, do những loại hình này không phù hợp cách quản lý của rừng bảo tồn, cần có sự can thiệp lâm sinh nhiều, chứ không phải bảo vệ nghiêm ngặt; (ii) Đưa rừng phòng hộ trở thành phân hạng Khu bảo vệ đa mục đích và sử dụng tài nguyên bền vững (tương tự như phân hạng VI, danh lục các khu bảo vệ của IUCN); (iii) Rà

soát và xem xét cơ chế hưởng lợi cho 2.5 triệu ha rừng tự nhiên, phần lớn là rừng tự nhiên sản xuất đã được giao cho các chủ thể ngoài nhà nước gồm hộ gia đình, cộng đồng và các tổ chức kinh tế, đặc biệt theo hướng khai thác bền vững “giá trị gia tăng của trữ lượng gỗ đã tạo thành do công sức đầu tư” và DVMTR.

Bên cạnh đó, các điểm đột phá chiến lược chưa có giải pháp về cải cách tổ chức, thể chế và con người như nâng cao năng lực, nhận thức, quyền và trách nhiệm các bên liên quan để có thể đáp ứng được với các đột phá liên quan đến sắp xếp hệ thống phân loại rừng, sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị và cơ chế thị trường hay ứng dụng khoa học, công nghệ như trong 3 điểm đột phá đã nêu của Dự thảo.

IV. Một số góp ý khác về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Như kiến nghị ở phần Tiếp cận chung, các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp nên được phân rõ thành hai nhóm: (1) Nhóm phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cho đối tượng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng với mục tiêu bảo tồn. Theo đó, cần nhìn nhận đầu ra của đối tượng rừng này là các dịch vụ công, phục vụ lợi ích chung của xã hội. Nguồn lực chủ yếu sẽ từ ngân sách; (2) Nhóm phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cho đối tượng rừng sản xuất với mục tiêu phát triển kinh tế lâm nghiệp. Đầu ra sẽ là các sản phẩm, dịch vụ lâm nghiệp. Nguồn lực chủ yếu từ xã hội hóa, đầu tư phát triển và đầu tư tư nhân.

Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1. Phương hướng phát triển	
a. Quy hoạch sử dụng rừng và đất lâm nghiệp	<p>Sửa thành định hướng quy hoạch cơ cấu phân loại rừng và đất lâm nghiệp (để phù hợp với Điểm 2- Phần III), trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Chi tiết hoá các tiêu chí liên quan đến quy hoạch diện tích rừng bảo vệ và các loại rừng mới trong rừng bảo vệ (như khu bảo vệ cảnh quan và đa mục đích (từ rừng phòng hộ), hay rừng tín ngưỡng, rừng bảo vệ nguồn nước và vườn thực vật quốc gia (như trong Luật Lâm nghiệp). ● Quy hoạch các diện tích thử nghiệm và nhân rộng các sáng kiến nông lâm kết hợp, thích ứng biến đổi khí hậu hoặc trồng cây dược liệu dưới tán rừng.
b. Quản lý, bảo vệ rừng	<ul style="list-style-type: none"> ● Xác định cụ thể số diện tích hecta rừng và đất lâm nghiệp cần được quản lý, bảo vệ trên cơ sở thiết lập lâm phận quốc gia ổn định. ● Chú ý hơn đến phát triển lâm nghiệp xã hội, khuyến khích sự tham gia và trao quyền cho của cộng đồng, giao đất giao rừng cho cộng đồng. ● Nâng cao năng lực, quyền hạn trách nhiệm của lực lượng thực thi pháp luật trong lâm nghiệp.

C VÀ
 3 TÂM
 LƯỜI V
 NHÌEN
 *

<p>c. Phát triển rừng</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● Bổ sung thêm các phương hướng về phục hồi và tái sinh tự nhiên rừng bằng các giải pháp “dựa vào tự nhiên” (nature-based solution), đặc biệt là tại các khu vực rừng phòng hộ xung yếu, nghèo kiệt hoặc đất quy hoạch rừng phòng hộ hoặc các diện tích xâm lấn, tranh chấp với người dân. Khuyến khích kết hợp phát triển nông lâm kết hợp, cây bản địa kết hợp với cây dược liệu để nâng cao độ tàn che và dần thay thế các loại cây hàng hoá hàng năm bằng cây lâu năm, có giá trị kinh tế cao. ● Đa dạng hóa cây trồng lâm nghiệp, giảm dần sự phụ thuộc vào các loại cây phát triển nhanh (như keo, bạch đàn), chuyển đổi nguyên liệu gỗ nhỏ sang gỗ lớn với các diện tích rừng trồng nguyên liệu.
<p>g. Phát triển lâm nghiệp theo vùng lãnh thổ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● Các nội dung phát triển lâm nghiệp theo vùng lãnh thổ còn chung chung, chưa thể hiện được nhu cầu cần thiết của từng vùng và chưa có nhiều khác biệt so với Chiến lược 2006-2020. <p>Đề nghị bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Tập trung giữ vững, ổn định lâm phận tại vùng Tây Bắc và Tây Nguyên; đi kèm với các giải pháp phục hồi rừng dựa vào thiên nhiên (nature-based solutions). ● Tại khu vực duyên hải Bắc Trung Bộ, hạn chế tối đa/cấm hoàn toàn việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ sang các mục đích sử dụng khác (đặc biệt là phát triển thủy điện, khai thác khoáng sản). ● Tại vùng duyên hải Nam Trung Bộ, bổ sung các giải pháp nông-lâm kết hợp, thích ứng biến đổi khí hậu cho các vùng đất suy thoái, khô hạn, ngăn chặn tình trạng sa mạc hoá
<p>2. Nhiệm vụ phát triển lâm nghiệp</p>	

a. Phát triển lâm nghiệp bền vững	<p>Về chỉ tiêu: Bổ sung thêm các chỉ tiêu về đa dạng sinh học (số loài nguy cấp quý hiếm được bảo tồn, hệ thống thông tin về DDSH quốc gia trong lâm nghiệp).</p> <p>Về nội dung các đề án: đề nghị bổ sung thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đề án xây dựng hệ thống giám sát đa dạng sinh học quốc gia. • Đề án phục hồi rừng trong các khu vực rừng phòng hộ và đặc dụng, rừng cộng đồng. • Đề án ngăn chặn buôn bán động thực vật hoang dã.
3. Giải pháp thực hiện	
Chính sách về quản lý rừng và đất lâm nghiệp	<p>Bổ sung thêm các cơ chế, chính sách đảm bảo thống nhất tổ chức, thể chế để phù hợp với giai đoạn tiếp theo trong thay đổi phân loại rừng.</p> <p>Cần gắn trách nhiệm, quyền và lợi ích từ rừng một cách tương xứng đối với các chủ rừng, không chỉ là chủ rừng nhà nước mà còn cả chủ rừng cá nhân, cộng đồng.</p>
Tuyên truyền nâng cao nhận thức	Chú ý yếu tố văn hóa, dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền.
Giải pháp về khoa học và công nghệ	<p>Nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp “dựa vào tự nhiên” (Nature-based) trong phục hồi rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.</p> <p>Tiến tới hiện đại hoá/số hoá hệ thống quản lý, bảo vệ và kiểm kê, giám sát - đánh giá trong ngành lâm nghiệp</p>

###

